

Số: 186/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 8, ngày 18 tháng 03 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 29, 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 16, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948; Địa chỉ: Đường H, Phường B, Quận T, Thành phố H.

2. Bà Trần Thị Kim K, sinh năm 1963; Địa chỉ: Đường H, Phường B, Quận T, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào nội dung Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 10 tháng 03 năm 2022, các yêu cầu của đương sự được ghi nhận như sau:

[1] Về hôn nhân: Ông T và bà K yêu nhau và đã đăng ký kết hôn theo (Giấy chứng nhận kết hôn số 44, Quyền số 01/1990 ngày 09/05/1990 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận T, Thành phố H). Tháng 4 năm 2017, vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên đã nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T và bà K khai có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trần Trọng H, sinh ngày 14/10/1998 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận T, Thành phố H; và tên Nguyễn Trần Bảo Tr, sinh ngày 30/7/1995 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố H. Hai con đã trưởng thành, là người bình thường đang đi làm và đi học, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng, ông T được miễn nộp lệ phí dân sự sơ thẩm số tiền là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà K phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm số tiền là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Các đương sự không có thay đổi ý kiến về các vấn đề được ghi nhận nêu trên, nên có cơ sở để Tòa án chấp nhận yêu cầu của đương sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Kim K thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44, Quyền số 01/1990 ngày 09/05/1990 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường N, Quận T, Thành phố H).

- Về con chung: Con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Văn T được miễn nộp tiền lệ phí dân sự sơ thẩm 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Bà Trần Thị Kim K phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0016449, ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà K được nhận lại số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 5 Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

#### **THẨM PHÁN**

**Bùi Thành Trung**